

**CÔNG TY TNHH IKITECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH IKITECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IKITECH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: IKITECH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703011554

**3. Ngày thành lập:** 10/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, Đường B, Khu Dân cư Him Lam Phú Đông, Khu phố Bình Dương 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0937006566

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                          | 4322                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                 | 4329                                                         |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                     | 4610                                                         |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                         | 4620                                                         |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                 | 4631                                                         |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                             | 4632                                                         |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                               | 4633                                                         |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                            | 4651                                                         |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                             | 4652                                                         |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                         | 4653                                                         |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                | 4659(Chính)                                                  |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                              | 4669                                                         |
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                | 6209                                                         |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                              | 4690                                                         |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                           | 4711                                                         |
| 16. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                             | 4719                                                         |
| 17. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4721                                                         |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4722                                                         |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                               | 4781                                                         |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                               | 4932                                                         |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                 | 4933                                                         |
| 22. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                         | 3311                                                         |
| 23. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                     | 3312                                                         |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                         | 3313                                                         |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                         | 3314                                                         |
| 26. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                      | 3315                                                         |
| 27. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                         | 3319                                                         |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                        | 3320                                                         |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                          | 4321                                                         |
| 30. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN TUẤN    | Việt Nam  | Số 16.22 Chung cư Him Lam Phú Đông, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 066087006868                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN THANH | Việt Nam  | 14/1 Đường 9, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam            | 500.000.000           | 50,000    | 038074000250                                                                                            |         |

8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN VĂN TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 066087006868

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 16.22 Chung cư Him Lam Phú Đông, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 16.22 Chung cư Him Lam Phú Đông, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương